TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/09/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Ông Nguyễn Duy Khương

Thư ký phiên toà: ông Danh Lý Khang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa* - ông Nguyễn Thế Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc: *" Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Ngọc Nhi,** Sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Ngọc Nhi có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Anh**Trịnh Quốc Tuân**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Tuân vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-7-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Nhi trình bày:*Vào năm 2006 chị Lê Thị Ngọc Nhi và anh Trịnh Quốc Tuân có chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống, chị Nhi và anh Tuân có 02 con

chung tên là Trịnh Bảo Ngân, sinh ngày: 06/5/2024 và Trịnh Bảo Yến, sinh ngày: 21/12/2007, cả hai người không có tài sản chung hay nợ chung.

Qua thời gian chung sống, lúc đầu thì cuộc sống giữa chị Nhi và anh Tuân rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên chị Ngọc Nhi làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc Nhi xin được ly hôn với anh Trịnh Quốc Tuân.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị Lê Thị Ngọc Nhi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 cháu Trịnh Bảo Ngân, sinh ngày: 06/5/2024 và Trịnh Bảo Yến, sinh ngày: 21/12/2007 và không yêu cầu anh Trịnh Quốc Tuân cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai đề ngày 17/7/2024 của anh Trịnh Quốc Tuân có trình bày nội dung như sau*: Vào năm 2006 tôi có kết hôn với bà Lê Thị Ngọc Nhi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ. Từ khi kết hôn vợ, chồng chúng tôi luôn chung sống hòa thuận với nhau, nay bà Lê Thị Ngọc Nhi khởi kiện yêu cầu ly hôn, thì tôi không đồng ý. Ngoài ra, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, thì vợ chồng tôi sẽ tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Ngọc Nhi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Nhi được ly hôn với anh Trịnh Quốc Tuân

Về con chung: Giao 02 cháu Trịnh Bảo Ngân, sinh ngày: 06/5/2024 và Trịnh Bảo Yến, sinh ngày: 21/12/2007 cho chị Nhi tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Nhi xác định không có, còn anh Tuân xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nhi và anh Tuân xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Ngày 08-7-2024chị Lê Thị Ngọc Nhi có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với anh Trịnh Quốc Tuân. Đây là vụ án " *Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Trịnh Quốc Tuân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuân là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Ngọc Nhi và anh Trịnh Quốc Tuân có sự tự nguyện tìm hiểu nhau, sau đó chung sống với nhau và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Thời gian đầu vợ, chồng chị Nhi và anh Tuân chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng thời gian sau này cả hai thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc.

Hơn nữa, mặt dù anh Trịnh Quốc Tuấn có trình bày không đồng ý ly hôn với chị Nhi, nhưng anh Trịnh Quốc Tuân đều vắng mặt tại các phiên họp, cũng như phiên hòa giải của Tòa án và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Do đó, có thể thấy bị đơn cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nhi và anh Tuân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đối chiếu theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nhi và anh Tuân ly hôn theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Nhi và anh Tuân có 02 con chung tên là cháu Trịnh Bảo Ngân, sinh ngày: 06/5/2014 và Trịnh Bảo Yến, sinh ngày: 21/12/2007.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Nhi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 cháu Ngân và Yêu. Mặt khác, bị đơn anh Trịnh Quốc Tuân không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung của 02 người trong trường hợp ly hôn. Ngoài ra, hiện tại cả 02 cháu Trịnh Bảo Ngân và Trịnh Bảo Yến đang được chị Nhi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tại Biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên thì nguyện vọng của cháu Ngân và cháu Yến là muốn được chung sống cùng với mẹ. Do đó nên giao 02 cháu cho chị Nhi tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ngọc Nhi đều trình bày chị và anh Tuân không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa, anh Trịnh Quốc Tuân cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ngọc Nhi đều trình bày chị và anh Tuân không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa, anh Trịnh Quốc Tuân xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nhi là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147,Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xư:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Nhi về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung " với bị đơn anh Trịnh Quốc Tuân

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc Nhi được ly hôn với anh Trịnh Quốc Tuân.

2. Về con chung: Giao người con chung tên cháu Trịnh Bảo Ngân, sinh ngày: 06/5/2014 và Trịnh Bảo Yến, sinh ngày: 21/12/2007 sinh ngày 10/04/2018 cho chị Nhi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (*theo nguyện vọng của con*), chị Nhi không yêu cầu anh Tuân cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Chị Nhi xác định không có, anh Tuân xác định không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nhi và anh Tuân xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nhi phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, nhưng chị Nhi được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005654, ngày 08/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Nhi không phải nộp thêm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách